ĐIỂM NHẤN ĐẦU TƯ

ĐIỆN TĂNG GIÁ!

21.11.2023

VPBank Securities

CƠ CẤU NGUỒN ĐIỆN- BIẾN ĐỘNG GIÁ NHIÊN LIỆU

Giá nhiên liệu quốc tế

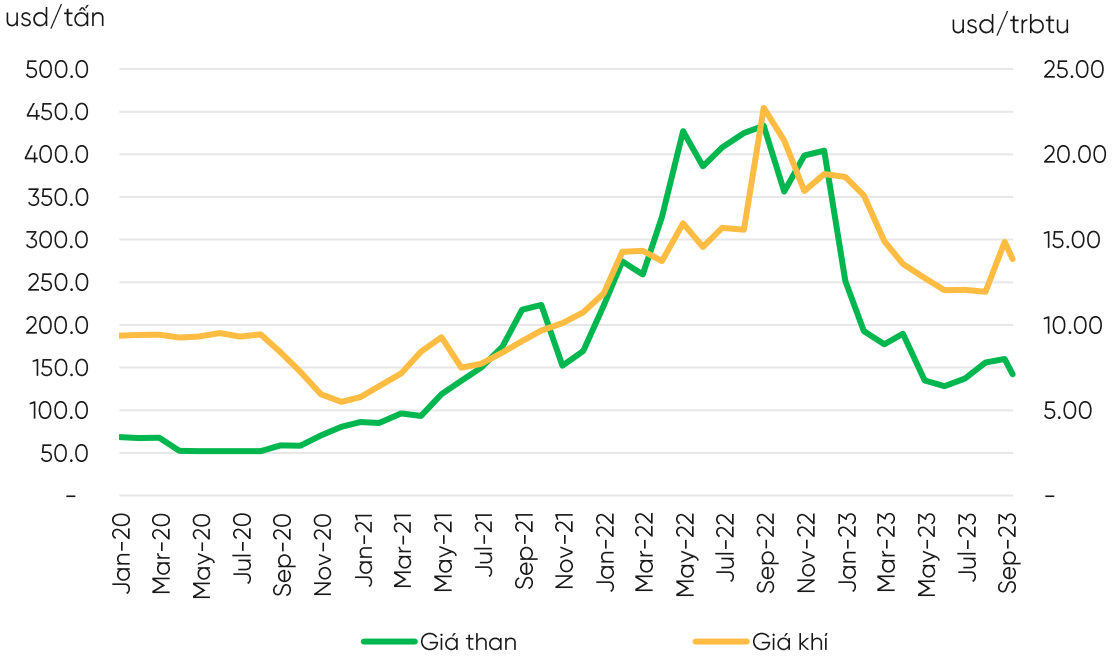

Giá than và khí đã tăng mạnh 300% trong 3 năm qua, từ mức 100 usd/tấn lên hơn 400 usd/tấn.

Giá khí LNG khu vực Đông Bắc Á tăng 120%. Giá khí trong nước năm 2022 tăng 63% so với 2020

Cơ cấu sản lượng điện theo nguồn

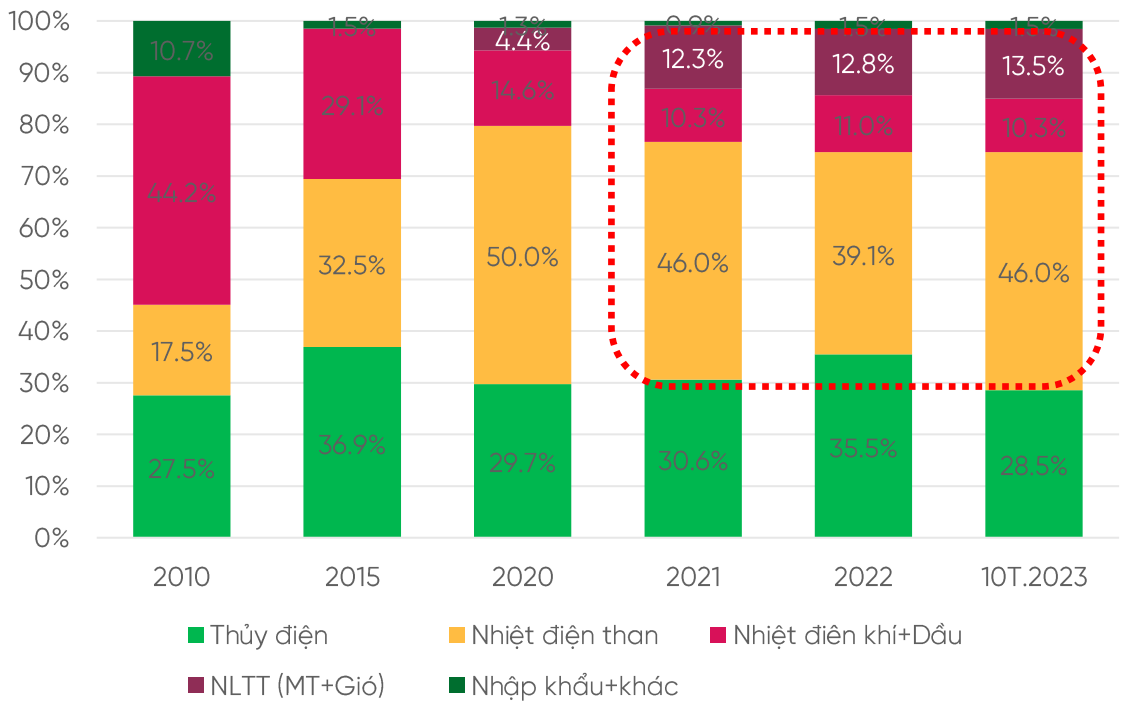

Nguồn điện giá cao chiếm tỷ trọng lớn trong cơ cấu nguồn điện: than+khí+nltt chiếm từ 63%-70%), 9 tháng đầu năm 2023 chiếm 70%.

VPBank Securities

CÁC LẦN TĂNG GIÁ ĐIỆN

Giá bán lẻ điện bình quân

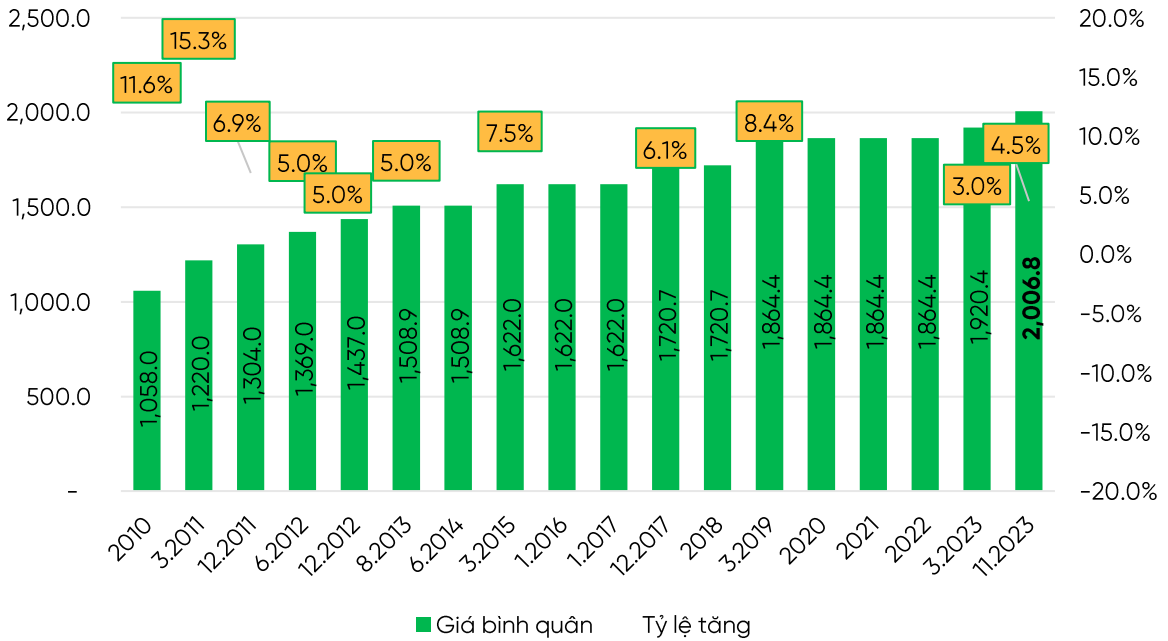

Chênh lệch giá Thành và giá Bán lẻ điện của EVN

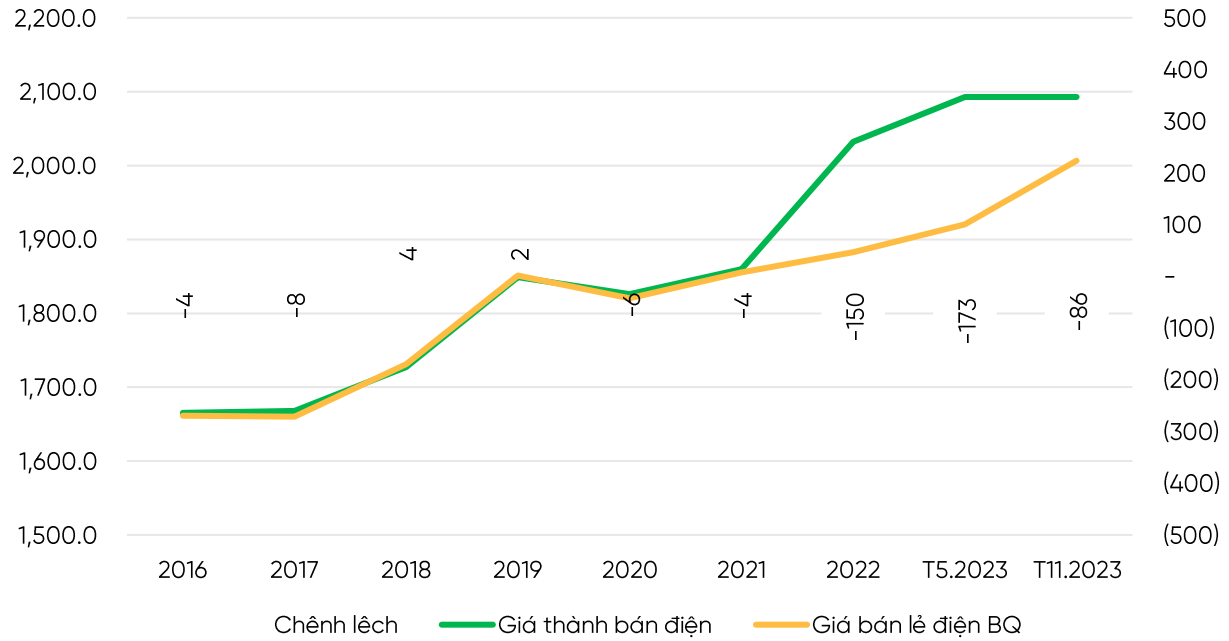

Giá điện tăng 2 lần trong năm 2023 với tổng mức tăng 7,6%

- Giá điện giữ ổn định 4 năm từ tháng 3.2019-3.2023
- Tăng 11 lần trong 13 năm qua

Giá điện tăng 7.65% vẫn nằm trong khung giá quy định của Chính phủ theo QĐ số 02/2023/QĐ-TTg ngày 3/2/2023, (từ 1.826,22-2.444,09 đồng/kwh)

Sau khi bám sát giá bán điện bình quân giai đoạn 2016-2021, từ 2022 giá thành điện của EVN tăng nhanh và bỏ xa giá bán lẻ điện.

Sau 2 lần tăng giá, giá bán lẻ điện bình quân vẫn đang thấp hơn 86 đồng/kwh so với giá thành điện sơ bộ năm 2023 của EVN

VPBank Securities

THUA LỖ VÀ KHÓ KHĂN DÒNG TIỀN CỦA EVN

Doanh thu và lợi nhuận của EVN

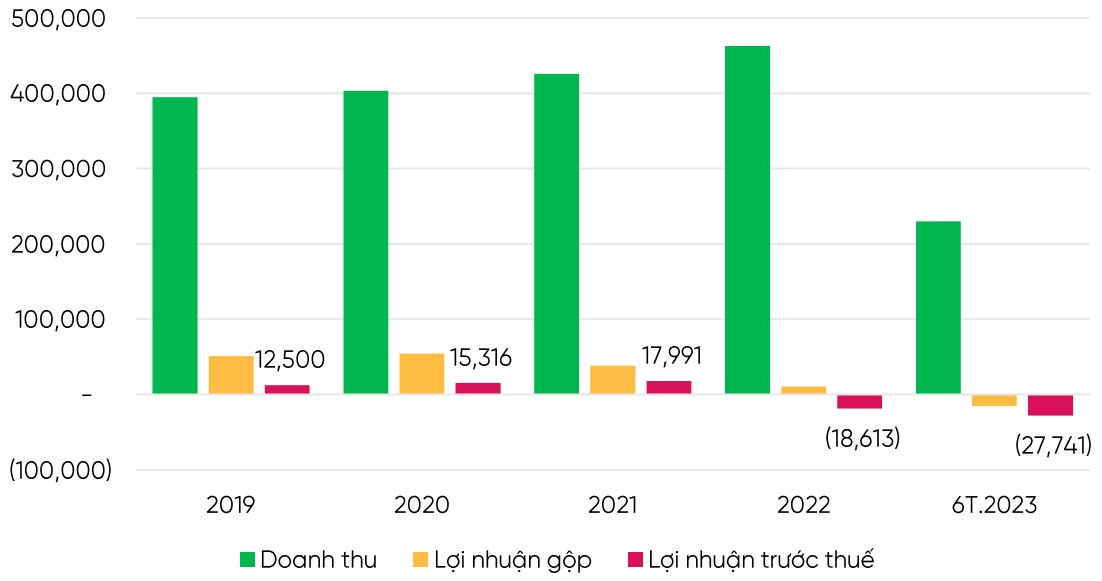

Cơ cấu vốn của EVN

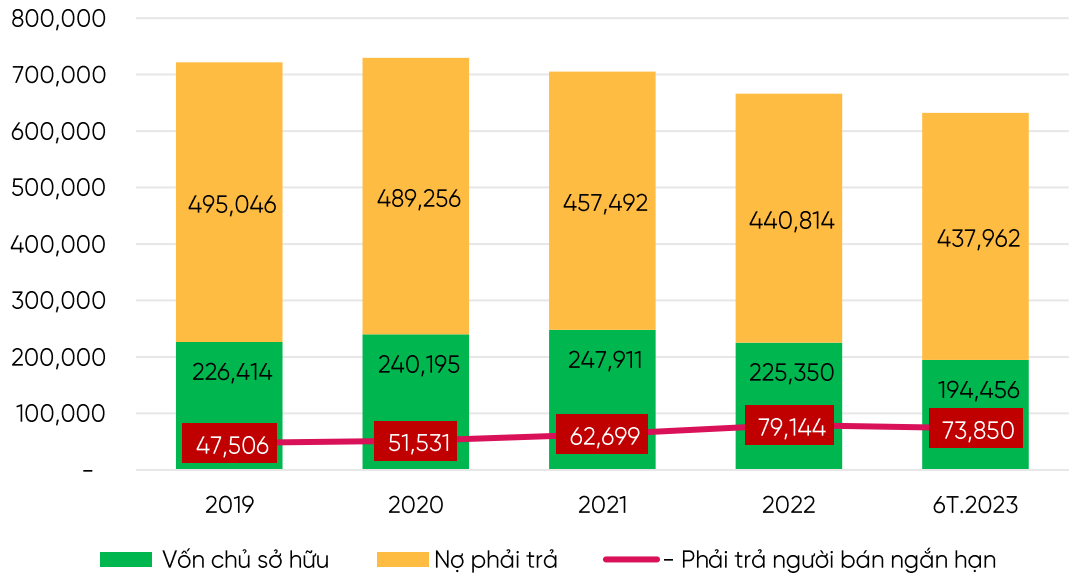

Thua lỗ lớn trong 2022 và 6 tháng 2023

Vốn chủ sở hữu giảm 22.5 nghìn tỷ trong 2022 và 31 nghìn tỷ trong 6T.2023.

Nợ phải trả tăng mạnh lên 79 nghìn tỷ cuối 2022

VPBank Securities

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA NGÀNH ĐIỆN 9 THÁNG ĐẦU NĂM 2023

VPBank Securities

BIẾN ĐỘNG GIÁ NHIÊN LIỆU

Giá nhiên liệu Quốc tế

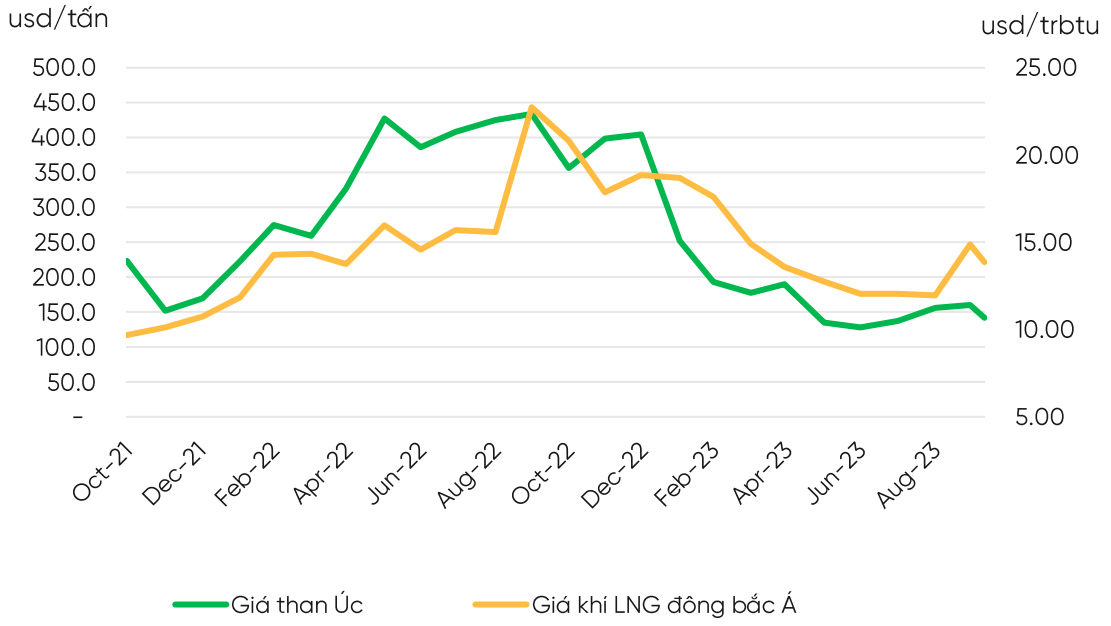

Giá khí giảm bình quân 58% so với cùng kỳ 2022

Giá than giảm 52% svck

Giá nhiên liệu trong nước

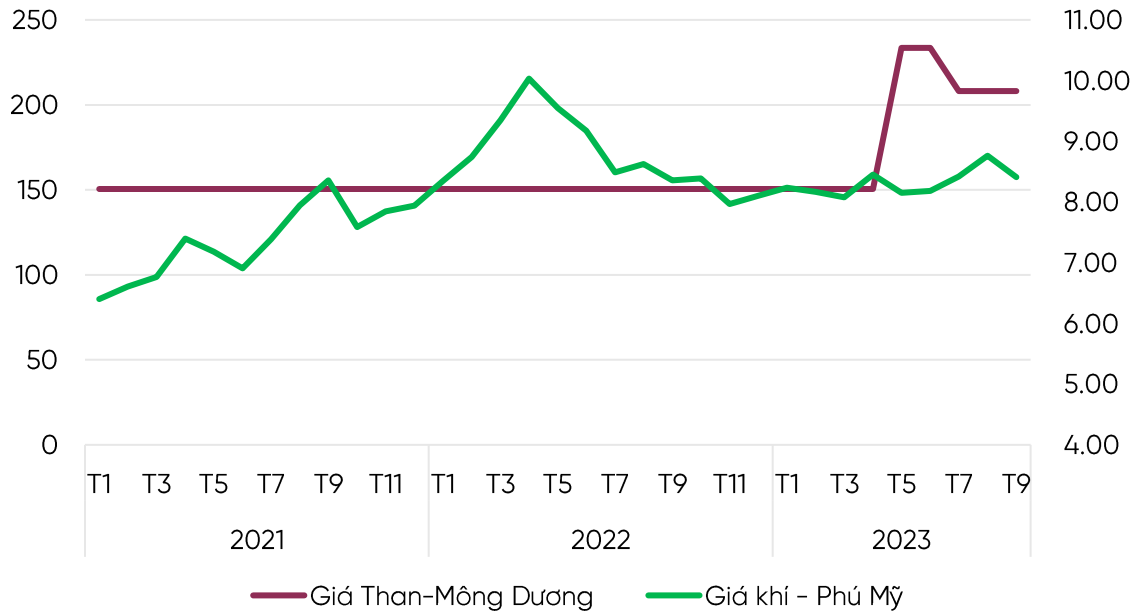

Giá khí giảm bình quân 8% trong 9 tháng 2023 svck 2023

Giá than trong nước tăng 26%.

VPBank Securities

GIÁ THỊ TRƯỜNG ĐIỆN

Giá toàn phần thị trường điện

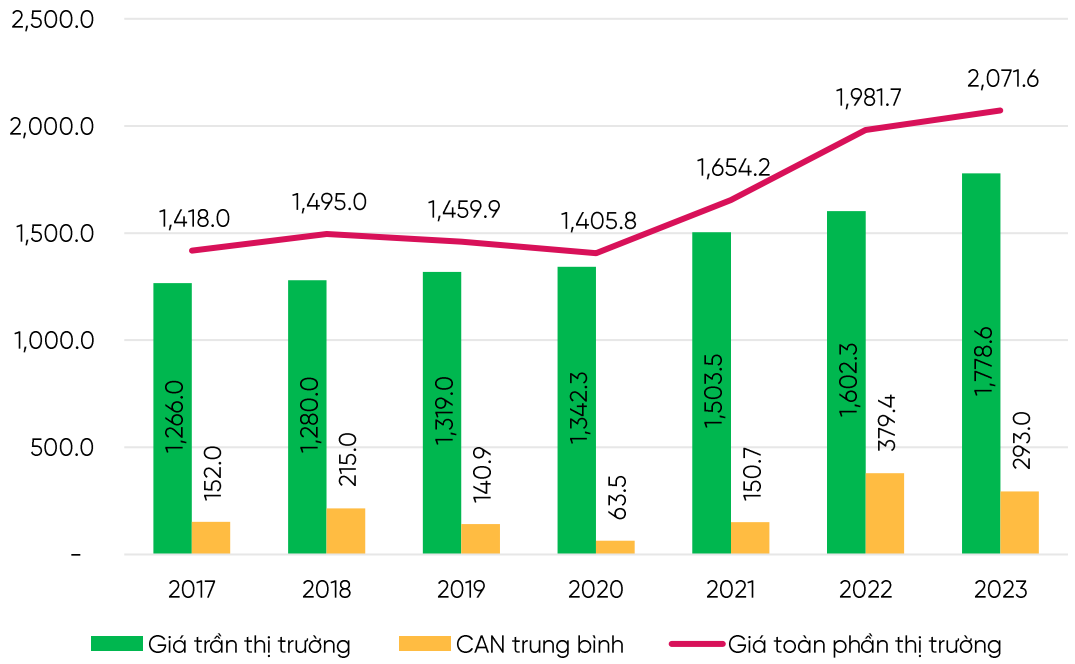

Giá trần thị trường điện 1.779 đồng/kwh, tăng 11%.

Cộng với giá công suất (CAN), Giá toàn phần thị trường điện là 2.072 đồng/kwh, tăng 4.5%.

Giá toàn phần thị trường điện bình quân các năm

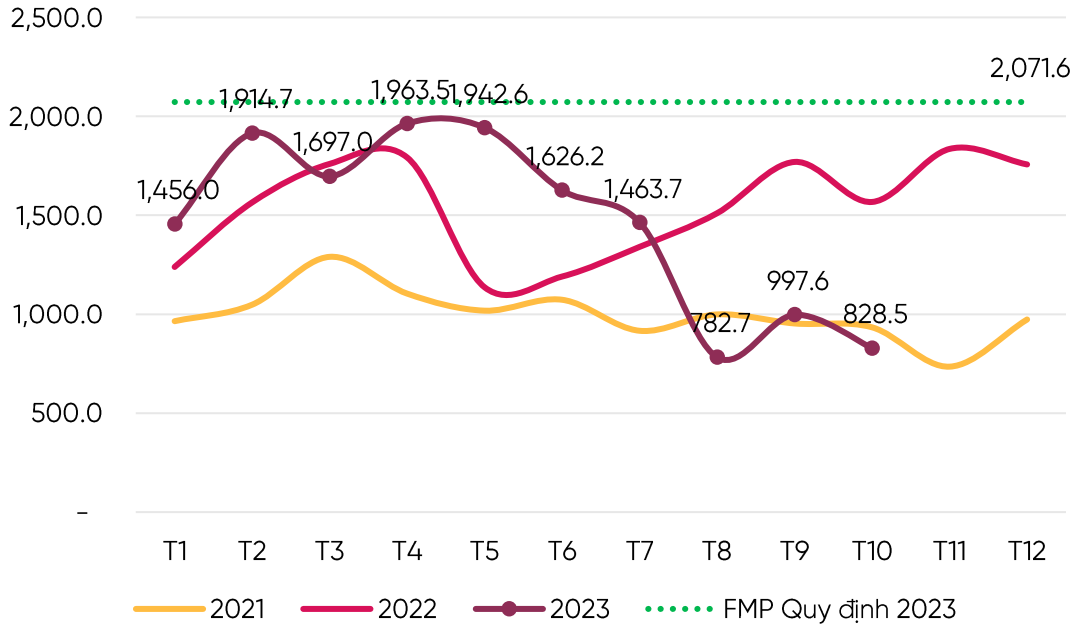

FMP Tb 6 tháng đầu năm tăng mạnh (+26%).

Giảm mạnh 46% trong T8-10. Chủ yếu do giá than giảm, mùa mưa thủy điện được huy động nhiều.

Giá FMP Tb 10 tháng đạt 1.467 đồng/kwh, tăng 2.3% so với cùng kỳ.

VPBank Securities

El NINO - CÁC DỰ ÁN NLTT CHUYỂN TIẾP

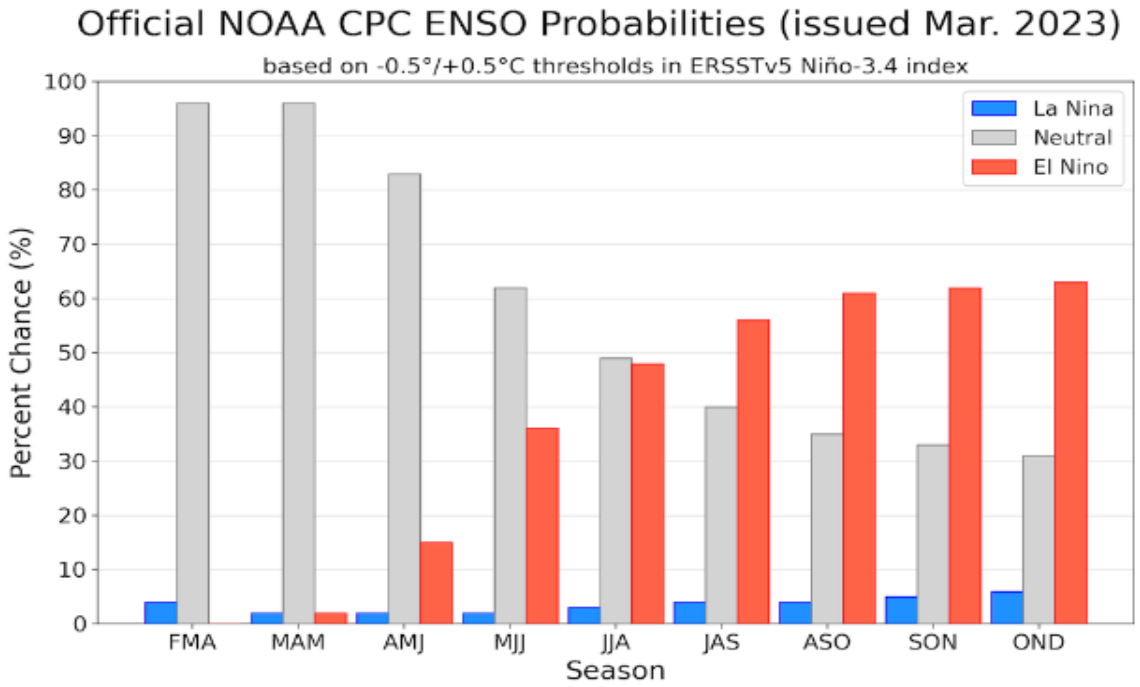

Chỉ tiêu	30.6.2023		11.2023	
	Dự án	Công suất	Dự án	Công suất
Tổng số dự án chuyển tiếp	85	4,735	85	4,735
Dự án nộp hồ sơ- phát điện				
Số dự án đã gửi hồ sơ cho	70	3,852	81	4,598
Dự án chưa gửi hồ sơ	15	883	4	137
Dự án đề xuất giá tạm tính 50%	59	3,211	69	3,927
Hoàn thành đàm phán và ký tắt PPA	58		63	
Được BCT phê duyệt giá tạm	55	3,052	62	3,399
Đã hoàn thành thủ tục COD, phát điện TM	14	686	21	1,201
Sản lượng điện phát lũy kế		75		762

Ngay từ đầu năm, dự báo Elnino sẽ làm cho nguồn nước bị hạn chế, sản lượng thủy điện sẽ bị hạn chế.

Sản lượng điện từ thủy điện đạt 66.7 tỷ kwh, giảm 19% svck

Đến cuối tháng 10, dự án NLTT chuyển tiếp bổ sung 1.201MW, sản lượng điện phát đạt 762 triệu kwh.

VPBank Securities

SẢN LƯỢNG VÀ CƠ CẤU THEO NGUỒN

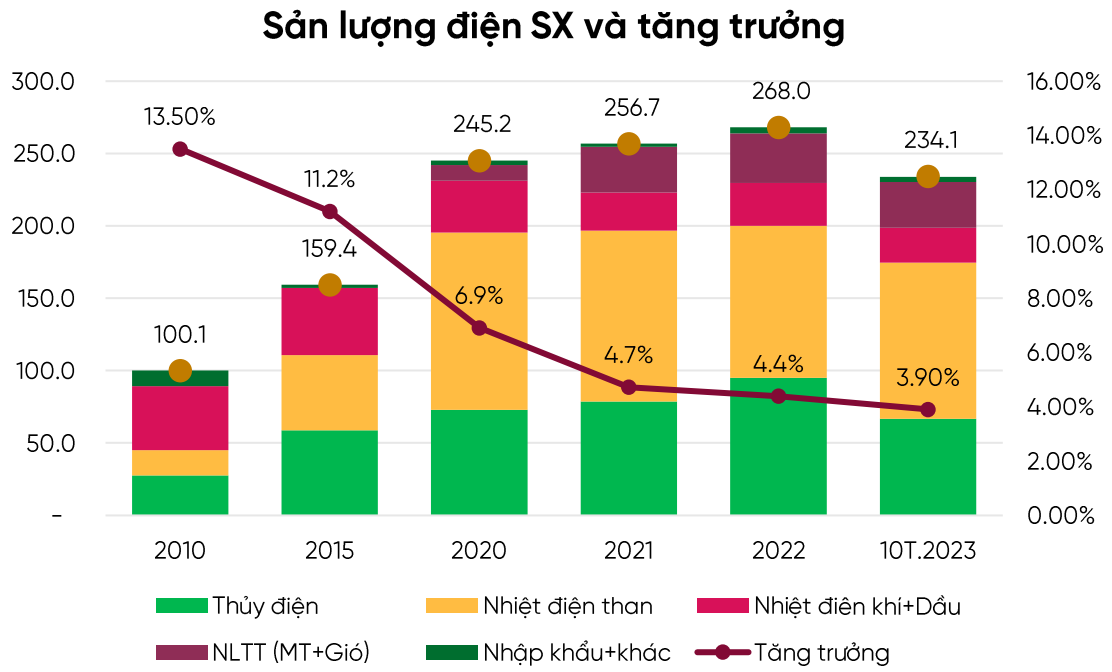

Chỉ tiêu	Đơn vị	10T.2022	10T.2023	Tăng trưởng	Tỷ trọng
Tổng	tỷ kwh	***225.98***	***234.13***	***3.90%***	***100%***
Thủy điện	tỷ kwh	82.42	66.74	*-19%*	*29%*
Nhiệt điện than	tỷ kwh	86.56	107.74	*24%*	*46%*
Nhiệt điên khí+Dầu	tỷ kwh	23.87	24.13	*1%*	*10%*
NLTT (MT+Gió)	tỷ kwh	29.87	31.58	*6%*	*13%*
- Gió	tỷ kwh	*6.91*	*8.52*	*23%*	*4%*
- Mặt trời	tỷ kwh	*22.65*	*22.35*	*-1%*	*10%*
Nhập khẩu+khác	tỷ kwh	2.68	3.56	*33%*	*2%*

Sản lượng điện tăng 3.9% svck do kinh tế khó khăn, tăng trưởng chậm lại.

- Thủy điện giảm 19% so ảnh hưởng Elnino
- Điện khí tăng chậm do thiếu khí

- Điện than tăng mạnh 24% do có thêm 2.632MW từ 2 nhà máy mới (TB2, VP1)
- NLTT tăng 6%, trong đó điện gió tăng mạnh 23% do có thêm 1.201MW từ các dự án chuyển tiếp

VPBank Securities

TƯƠNG QUAN SẢN LƯỢNG ĐIỆN – GDP - IIP

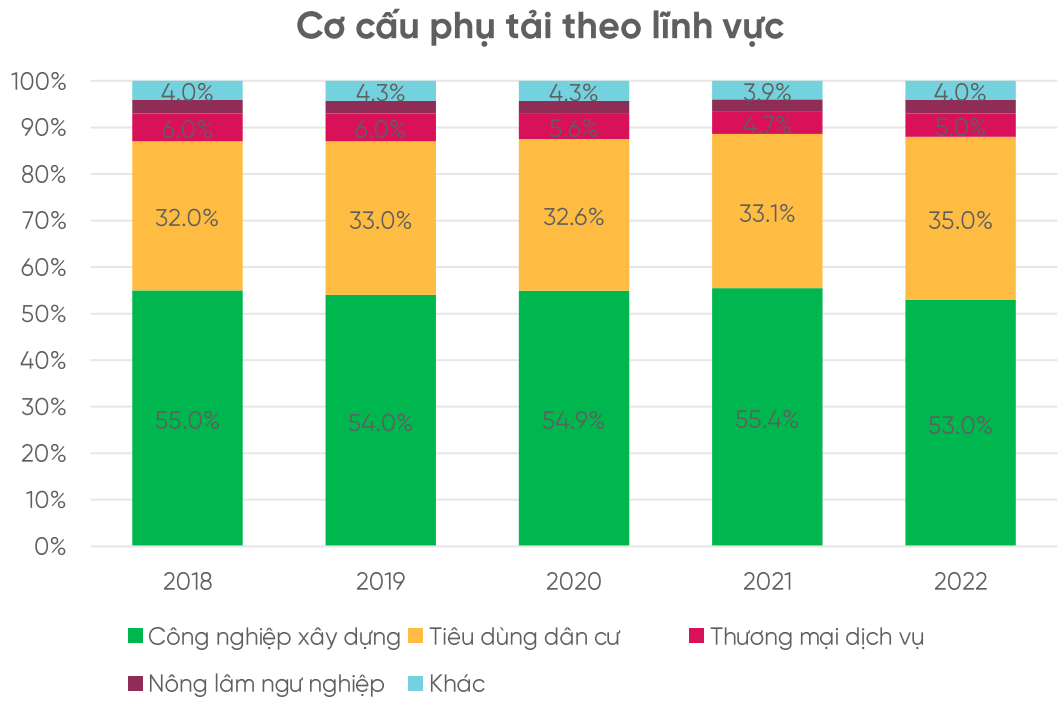

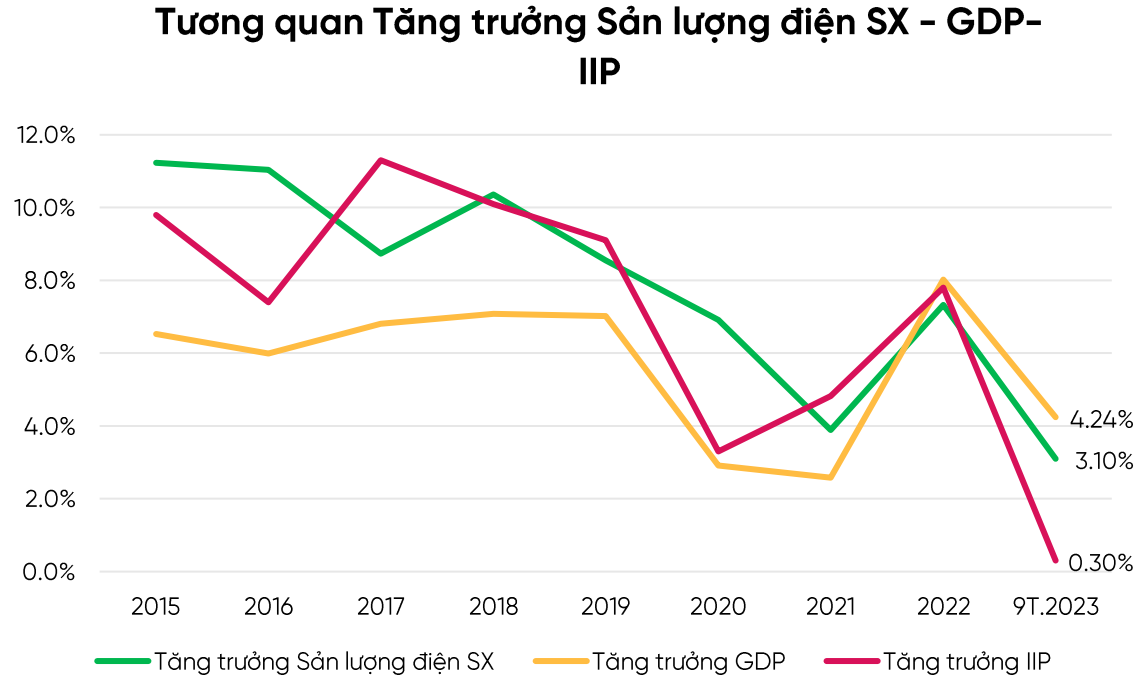

Sản xuất công nghiệp và xây dựng chiếm 53%-55% nhu cầu điện hàng năm.

Đây là lý do khi chỉ số SXCN –IIP giảm mạnh trong 9 tháng đầu năm 2023 dẫn đến tăng trưởng sản lượng điện ở mức thấp với 3.1%

Tăng trưởng nhu cầu điện cơ bản đồng pha với tốc độ tăng trưởng GDP. Tuy vậy, từ năm 2022 đã tăng chậm hơn tốc độ tăng GDP.

VPBank Securities

TRIỂN VỌNG NGÀNH ĐIỆN

TRIỂN VỌNG NGÀNH- NGẮN HẠN

Dự báo nhu cầu điện trong năm 2024

Chỉ tiêu	10T.2023	2023E	Tăng trưởng 2023	Dự báo 2024	Tăng trưởng 2024	Tỷ trọng
Tổng	***234.13***	***281.6***	***4.90%***	***304.1***	***8%***	***100.0%***
Thủy điện	66.74	83.2	-12.43%	87.4	5%	28.7%
Nhiệt điện than	107.74	128.6	22.61%	137.8	7%	45.3%
Nhiệt điên khí+Dầu	24.13	29.0	-1.79%	30.8	6%	10.1%
NLTT (MT+Gió)	31.58	36.7	5.52%	44.2	20%	14.5%
- Gió	*8.52*	*9.6*	*8.47%*	*16.7*	*74%*	*5.5%*
- Mặt trời	*22.35*	*27.1*	*6.07%*	*27.5*	*2%*	*9.0%*
Nhập khẩu+khác	3.56	4.0	-3.18%	4.0	0%	1.3%

Sản lượng điện SX và tăng trưởng

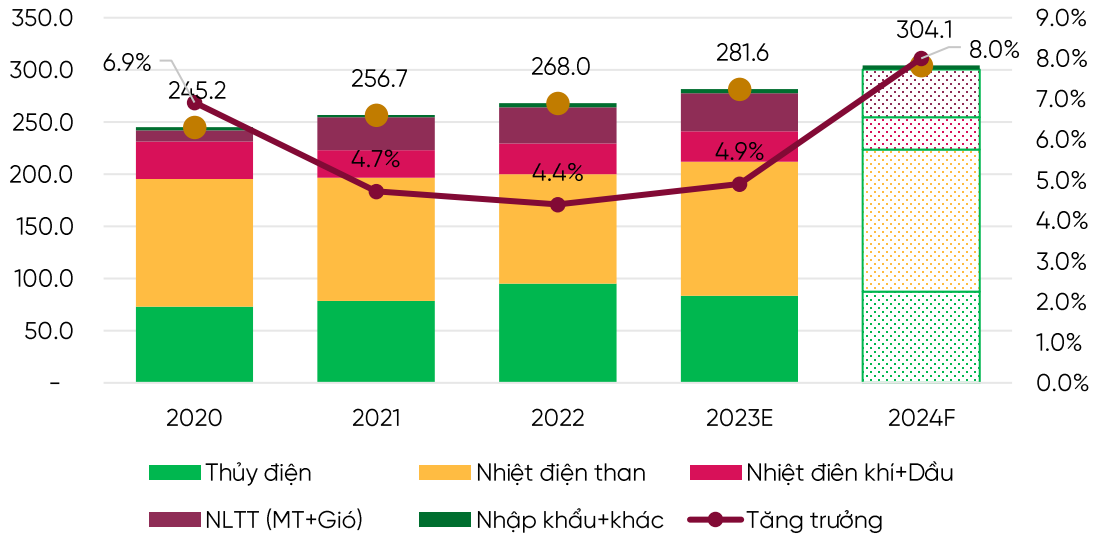

Nhu cầu điện gia tăng:

Nhu cầu điện tăng mạnh 11.3% trong tháng 10, tiếp tục dự báo tăng lên trong những tháng cuối năm 2023 khi sản xuất công nghiệp đang tăng trưởng mạnh trở lại.

Trong năm 2024 kinh tế kỳ vọng kinh tế tăng trưởng mạnh mẽ hơn (6.5%). Dự báo nhu cầu điện sẽ tiếp tục tăng lên 7%-8%.

Điện Than và khí tiếp tục đóng góp vai trò nền tảng, chi phí sản xuất điện than hợp lý hơn khi giá than ở mức thấp.

Điện gió được bổ sung thêm 3.500MW, nếu đẩy nhanh tiến độ, sản lượng có thể tăng thêm 7 tỷ kwh.

Thủy điện có thể gặp khó trong nửa đầu năm 2024

VPBank Securities

TRIỂN VỌNG NGÀNH- NGẮN HẠN

DỰ ÁN ĐƯỜNG DÂY 500KV MẠCH 3

Chỉ tiêu	Tổng	Đoạn 1	Đoạn 2	Đoạn 3	Đoạn 4
		Quảng Trạch - Quỳnh Lưu	Quỳnh Lưu - Thanh Hóa	Thanh Hóa- Nam Định	Nam Định- Phố Nối
Chiều dài (km)	515	225	92	74	124
Vốn đầu tư (tỷ đồng)	22,854	10,111	4,116	3,087	5,540
Vốn vay dự kiến	15,965	7,050	2,880	2,160	3,875
Thời gian hoàn thành		yêu cầu trước tháng 6 năm 2024			
Đơn vị Quản lý		CPMB_BQL DA công trình điện miền Trung		NPMB_BQL DA công trình điện miền Bắc	

Đường dây 500KV mạch 3: Tổng vốn đầu tư 22.5 nghìn tỷ, dự kiến hoàn thành trước 7/2024. Doanh nghiệp xây lắp điện được hưởng lợi (PC1, TV1, TV2, VNE...)

DỰ BÁO HÌNH THÁI THỜI TIẾT

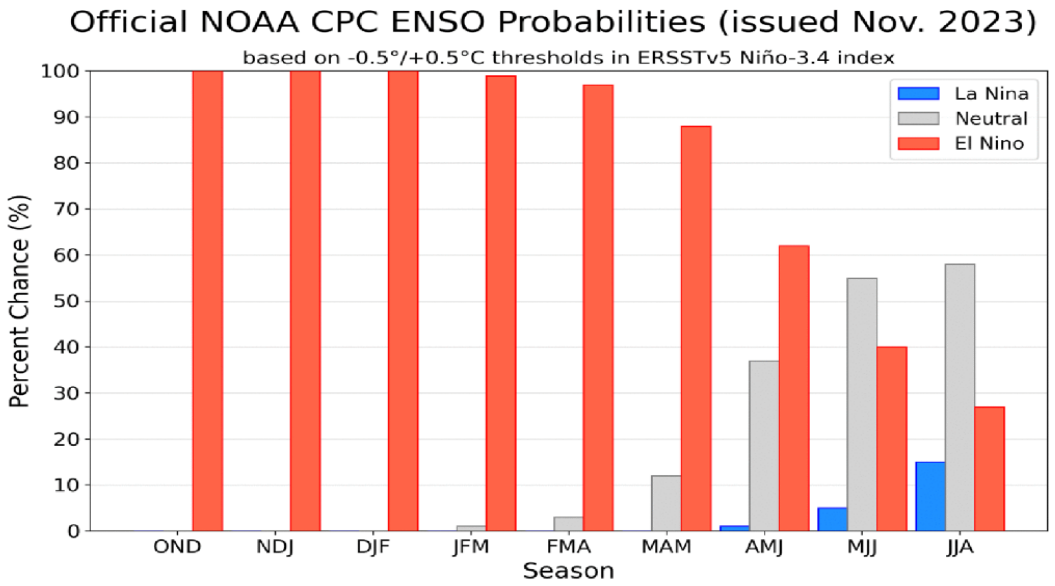

El Nino dự báo tiếp tục kéo dài hết 6 tháng đầu năm 2024. Thủy điện sẽ tiếp tục bị hạn chế, trong khi nhiệt điện được hưởng lợi trong mùa khô Q3.2023-Q1.2024

VPBank Securities

TRIỂN VỌNG NGÀNH TRUNG VÀ DÀI HẠN

QUY HOẠCH ĐIỆN VIII: Nguồn điện

- Tăng trưởng nhu cầu điện 2022-2030 tiếp tục ở mức cao 8-10%
- Tập trung nhiệt điện khí: (8.000MW+22.400MW LNG). Sau 2030 chuyển dần sang Amonic xanh, Hydrogen.
- Ưu tiên phát triển năng lượng tái tạo: điện gió trên bờ (13.000MW)+6.000MW điện gió ngoài khơi.
- Thủy điện phát triển tới hạn, còn ít dư địa tăng trưởng
- Nhiệt điện than bị hạn chế đầu tư (+5.000MW). Sau năm 2030 dần chuyển đổi sang các nhiêu liệu sạch khác như Amoniac xanh, sinh khối

Khâu phát điện: Cơ hội cho các nhà đầu tư vào năng lượng tái tạo, điện khí

Chỉ tiêu	2022	2025	2030	2040	2050
Nhu cầu toàn quốc Pmax		**59,318**	**90,512**	**159,039**	**208,555**
Tổng công suất đặt toàn quốc	**77,929**	**104,989**	**158,244**	**354,089**	**573,129**
NĐ Than	25,312	28,757	30,127	15,337	-
NĐ Than đốt kèm sinh khối/amoniac		-	-	14,790	-
NĐ Than chuyển hoàn toàn sang sinh khối/amoniac		-	-	-	25,632
TBKHH+NĐ Khí trong nước, chuyển LNG	7,160	7,076	14,930	7,900	7,900
NĐ khí nội chuyển LNG kèm Hydro		-	-	7,030	-
NĐ khí nội chuyển Hydro hoàn toàn		-	-	-	7,030
TBKHH sử dụng LNG mới	-	2,700	22,400	12,200	-
TBKHH LNG đốt kèm Hydro		-	-	13,200	4,500
TBKHH LNG chuyển Hydro hoàn toàn					20,900
Nguồn NĐ linh hoạt		-	300	23,100	46,200
NĐ+TBK dầu	1,532	1,221	-	-	-
Thủy điện (cả TĐ nhỏ)	22,544	26,795	29,346	34,414	36,016
Điện gió trên bờ, gần bờ	3,980	13,416	21,880	46,100	77,050
Điện gió ngoài khơi	-	-	6,000	45,500	91,500
Điện mặt trời tập trung/mái nhà/ Tự sản tự tiêu	16,700	17,891	20,591	94,866	189,294
Điện sinh khối, rác và NLTT khác	156	1,180	2,270	4,960	6,015
Thủy điện tích năng và pin lưu trữ		50	2,700	19,950	45,550
Nhập khẩu	545	4,453	5,000	10,242	11,042
NMNĐ cấp cho phụ tải riêng (Đồng phát)		1,450	2,700	4,500	4,500

TRIỂN VỌNG NGÀNH - TRUNG VÀ DÀI HẠN

Quy hoạch điện VIII: Nguồn vốn Đầu tư rất lớn_ Đây cũng là thách thức không nhỏ

Tổng vốn đầu tư theo từng giai đoạn

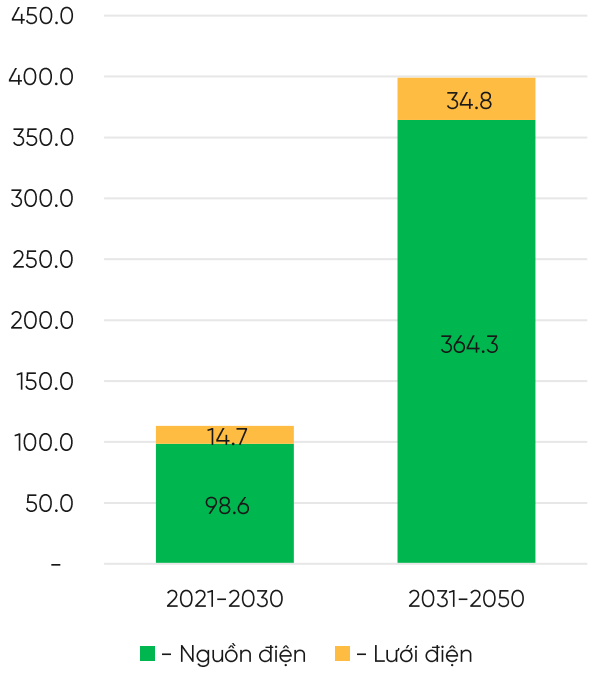

Vốn đầu tư trung bình mỗi năm

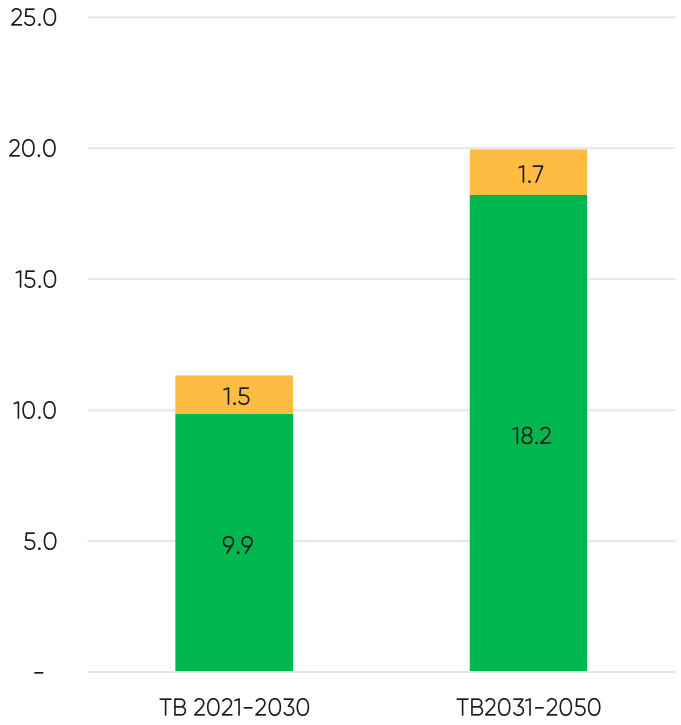

Cơ cấu nguồn vốn đầu tư cho Nguồn điện

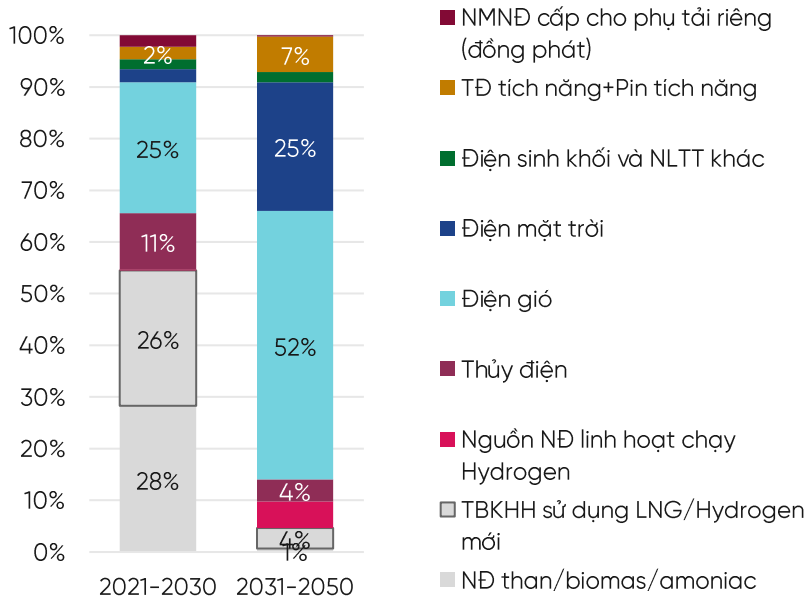

VPBank Securities

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH ĐIỆN Q3 & 9T.2023

VPBank Securities

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH ĐIỆN Q3 & 9T.2023

Doanh nghiệp	Doanh thu				Lợi nhuận trước thuế				EPS 9T.2023		PE	PB
	Giá trị		(%) yoy		Giá trị		(%) yoy		Giá trị	%yoy		
	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023				
PGV	9,135	35,938	-25%	3%	(582)	1,504	-253%	-28%	1,110	-27%	9.7	2.5
POW	5,679	21,533	-6%	5%	82	1,011	-63%	-40%	317	-39%	12.4	1.2
QTP	2,507	9,211	-20%	13%	12	425	-92%	-46%	898	-46%	11.4	1.3
HND	2,884	8,822	-6%	7%	202	561	380%	-8%	1,066	-8%	18.8	0.7
DTK	2,486	8,356	14%	1%	(51)	468	-127%	-39%	618	-40%	10.8	1.9
REE	1,962	6,505	-12%	3%	526	2,375	-43%	-16%	4,121	-26%	8.8	2.6
PC1	2,220	5,198	-26%	-13%	140	224	196%	-26%	219	-72%	17.0	3.2
NT2	816	5,182	-62%	-24%	(124)	280	-157%	-64%	815	-67%	11.0	5.2
PPC	1,337	4,044	14%	14%	67	285	-55%	-12%	875	-12%	14.1	0.9
DNH	682	1,847	2%	-18%	393	1,187	-4%	-27%	2,283	-29%	16.9	3.2
VSH	382	1,932	-41%	-9%	39	843	-84%	-13%	3,234	-13%	7.5	1.7
GEE	4,412	11,680	25%	-9%	543	795	539%	20%	2,124	36%	8.3	1.4
BCG	1,018	2,833	-14%	-14%	36	265	-39%	-76%	262	-74%	(73.0)	0.7
Toàn ngành	**48,681**	**157,703**	**-14.8%**	**-0.5%**	**4,147**	**18,086**	**-50%**	**-26%**			**13.5**	**1.4**
Nhóm thủy điện	***8,889***	***24,837***	***-21%***	***-13%***	***2,561***	***8,058***	***-39%***	***-29%***				
Nhóm nhiệt điện	***32,052***	***112,599***	***-14%***	***3%***	***(385)***	***4,615***	***-126%***	***-36%***				

Áp lực: 1. Nhu cầu điện tăng trưởng chậm (+3.1%) trong 9 tháng đầu năm

2. EVN gặp khó khăn khi thua lỗ, dòng tiền thiếu hụt

Kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp ngành điện kém khả quan

VPBank Securities

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH ĐIỆN Q3 & 9T.2023

NHÓM THỦY ĐIỆN

Doanh nghiệp	Doanh thu				Lợi nhuận trước thuế				PE	PB
	Giá trị		+/- yoy (%)		Giá trị		+/- yoy (%)			
	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023		
REE	1,962	6,505	-12%	3%	526	2,375	-43%	-16%	8.8	2.6
VSH	382	1,932	-41%	-9%	39	843	-84%	-13%	7.5	1.7
DNH	682	1,847	2%	-18%	393	1,187	-4%	-27%	16.9	3.2
GEG	566	1,595	9%	0%	18	140	-89%	-64%	49.2	1.2
TMP	228	635	-32%	-21%	139	423	-37%	-21%	8.5	2.3
SBH	335	579	-10%	-14%	246	317	-1%	-17%	13.0	1.3
HNA	236	521	-45%	-38%	111	160	-61%	-63%	13.3	1.1
CHP	133	521	-43%	-28%	19	163	-81%	-51%	8.3	1.7
TTA	178	502	-12%	-20%	43	103	-23%	-48%	10.1	0.4
AVC	119	499	-60%	-33%	52	313	-74%	-38%	9.3	1.6
SHP	254	470	4%	-16%	149	217	3%	-26%	9.8	0.7
VCP	93	408	-66%	-38%	(20)	60	-114%	-79%	13.3	2.0
VPD	167	404	-33%	-23%	83	163	-45%	-36%	17.0	1.7
SJD	180	338	3%	-7%	87	152	-6%	-16%	10.1	3.4
TBC	82	322	-57%	-40%	25	153	-81%	-56%	13.1	1.5
ND2	145	255	-7%	-33%	94	95	-7%	-55%	12.3	1.2
GHC	85	235	4%	-2%	46	126	28%	-11%	19.1	0.9
BSA	128	234	-11%	-15%	43	59	-42%	-45%	12.2	0.8
SBA	81	230	-25%	-23%	41	119	-29%	-23%	6.2	1.1
BHA	144	228	-16%	-28%	97	84	-19%	-49%	14.7	1.2
SEB	43	222	-35%	-17%	20	147	-46%	-18%	8.1	3.1
S4A	81	186	0%	-11%	42	86	38%	-1%	7.3	1.6
ISH	74	167	-18%	-13%	43	88	-26%	-17%	12.2	3.1

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH ĐIỆN Q3 & 9T.2023

NHÓM NHIỆT ĐIỆN

Doanh nghiệp	Doanh thu				Lợi nhuận trước thuế				PE	PB
	Giá trị		+/- yoy (%)		Giá trị		+/- yoy (%)			
	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023		
PGV	9,135	35,938	-25%	3%	(582)	1,504	-253%	-28%	9.7	2.5
POW	5,679	21,533	-6%	5%	82	1,011	-63%	-40%	12.4	1.2
QTP	2,507	9,211	-20%	13%	12	425	-92%	-46%	11.4	1.3
HND	2,884	8,822	-6%	7%	202	561	380%	-8%	18.8	0.7
DTK	2,486	8,356	14%	1%	(51)	468	-127%	-39%	10.8	1.9
NT2	816	5,182	-62%	-24%	(124)	280	-157%	-64%	11.0	5.2
PPC	1,337	4,044	14%	14%	67	285	-55%	-12%	14.1	0.9
BTP	44	732	-73%	99%	12	61	-88%	-41%	8.5	1.3
NBP	246	638	9%	7%	(2)	19	-226%	-21%	15.2	1.1

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP NGÀNH ĐIỆN Q3 & 9T.2023

PE

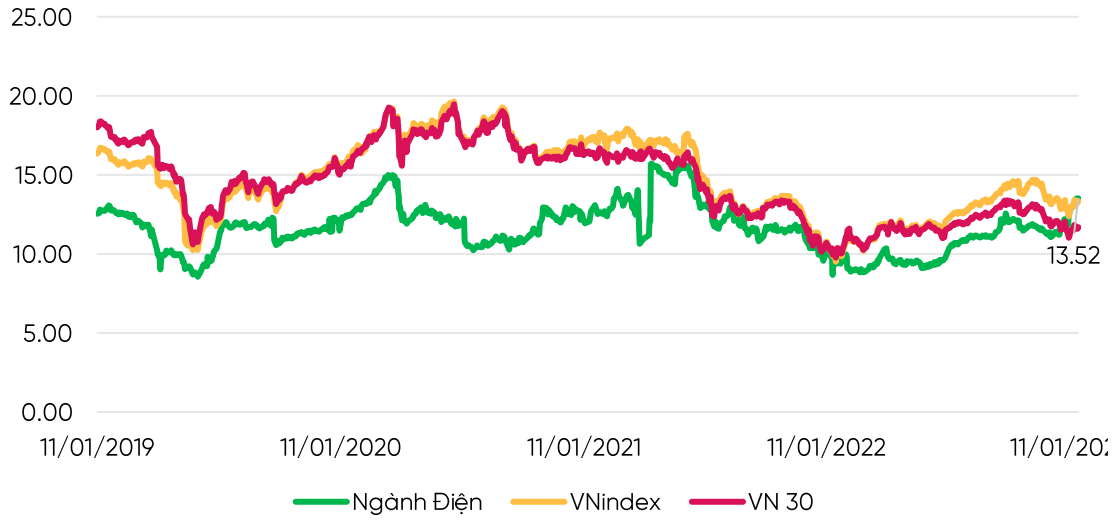

PB

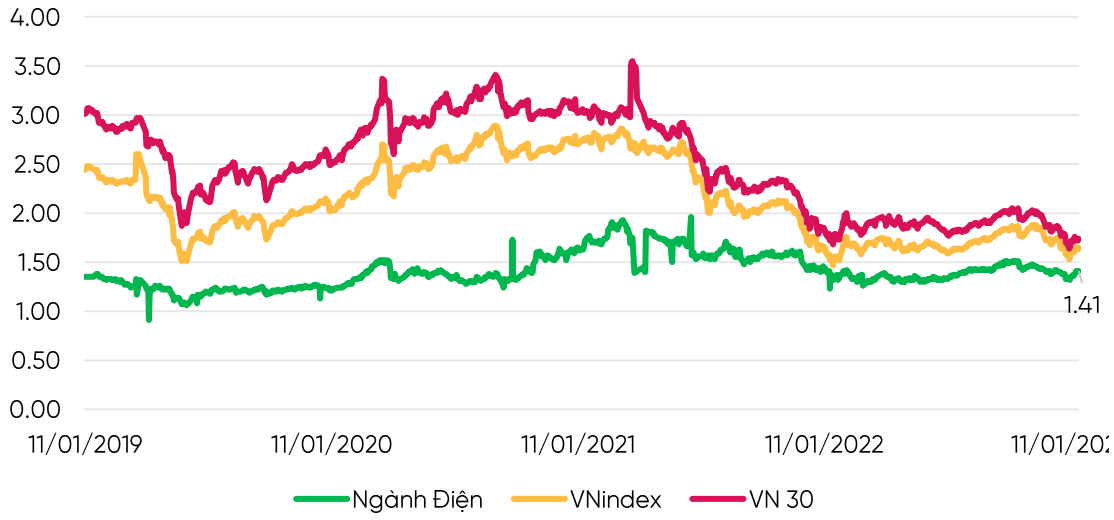

VPBank Securities

MỘT SỐ CƠ HỘI ĐẦU TƯ

Một số cơ hội:

POW: tập trung điện khí, hưởng lợi ngắn hạn vào mua khô, tổ máy S1 hoạt động trở lại. giá điện tăng có thể nhận được thanh toán tốt hơn từ EVN.

REE: Phát triển ổn định, đón đầu cơ hội tăng trưởng với chiến lược phát triển các dự án NLTT

QTP: Hưởng lợi ngắn hạn từ mùa khô 2023-2024. Trung hạn đến từ nhu cầu điện tăng, sản lượng điện tốt trong khi chi phí sản xuất điện giảm (khấu hao, lãi vay). DY hấp dẫn (8-10%/năm)

PC1: hưởng lợi từ QHĐ VIII: câu chuyện dài hạn, các dự án điện NLTT, dự án truyền tải điện, các lĩnh vực bổ trợ khác: BĐS KCN, Khoáng sản.

MỘT SỐ CƠ HỘI ĐẦU TƯ_ POW

Tập trung điện khí, hưởng lợi ngắn hạn vào mua khô, tổ máy S1 hoạt động trở lại. giá điện tăng có thể nhận được thanh toán tốt hơn từ EVN.

- **Doanh thu và lợi nhuận quý 3 đạt 5.679 tỷ và 82 tỷ đồng, bằng 94% và 37% cùng kỳ 2022**: chủ yếu do sản lượng điện giảm trong kỳ. Lũy kế 9 tháng, doanh thu đạt 21.533 tỷ đồng, lợi nhuận trước thuế đạt 1.011 tỷ đồng, lần lượt bằng 105% và 60% cùng kỳ 2022, hoàn thành 71% và 79% kế hoạch cả năm 2023.
- **Động lực tăng trưởng ngắn hạn trong quý 4.2023-Q1.2024 (mùa khô) là tổ máy S1 nhà máy Vũng Áng đã hoạt động trở lại** và các nhà máy điện khí hoàn thành bảo dưỡng sẽ gia tăng sản lượng phát điện, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.
- ***Ước tính cả năm 2023, sản lượng điện có thể đạt 15.450 trkwh (+8,6%yoy), doanh thu đạt 29.700 tỷ đồng và lợi nhuận trước thuế đạt 1.750 tỷ đồng, bằng 105,2% và 62,3% của năm 2022 (nếu loại trừ khoản thu nhập chênh lệch tỷ giá 1.131 tỷ đồng năm 2022, LNTT năm 2023 vẫn có mức tăng trưởng 4,3%).***
- ***Trong dài hạn, dự án nhiệt điện Nhơn Trạch 3&4 tiếp tục là động lực phát triển của công ty từ 2025-2026, khi đóng góp thêm 1.500 MW (+36% công suất) và 9.200 triệu kwh (+45% sản lượng điện)***

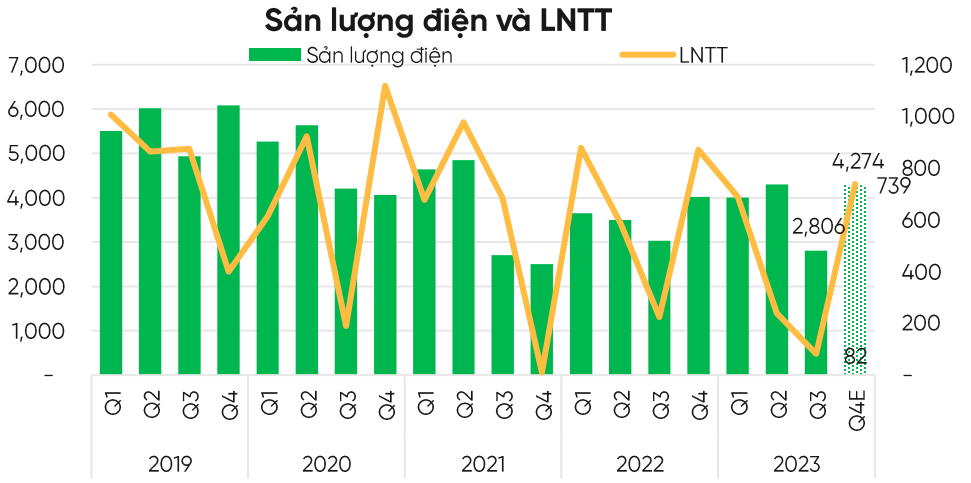

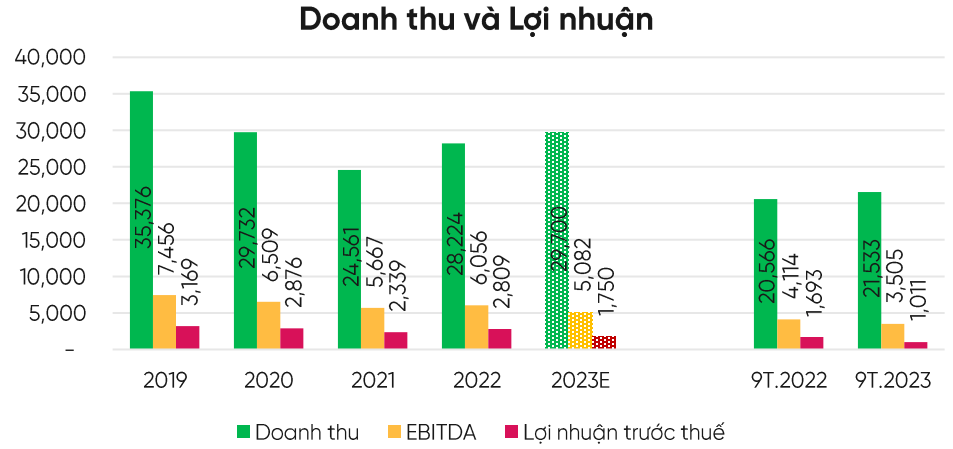

VPBank Securities

MỘT SỐ CƠ HỘI ĐẦU TƯ_REE

Phát triển ổn định, đón đầu cơ hội tăng trưởng với chiến lược phát triển các dự án NLTT.

- Doanh thu tăng trưởng 3.2%, lợi nhuận đạt 1.154 tỷ đồng, giảm 14.6%. EPS đạt 4.121 đ/cp
- Lợi nhuận nhóm điện giảm chủ yếu do thủy điện giảm so với mức đỉnh 2022.
- Dự án Etown6 dự kiến cất nóc cuối T10.2023, hoàn thiện và hoạt động từ Q2.2024.
- Hoạt động cơ điện lạnh tăng trưởng tốt về doanh thu, lợi nhuận giảm do chi phí sx tăng.
- Trong trung và dài hạn, REE đang cùng các đối tác tìm kiếm đầu tư các dự án NLTT (điện gió gần bờ) với quy mô từ 1.800-2.000MW. Tiếp tục là đơn vị tiên phong trong phát triển NLTT.

Kết quả kinh doanh 9 tháng 2023

Các lĩnh vực	Sản lượng		Doanh thu		Lợi nhuận	
	Giá trị	Biến động	Giá trị	Biến động	Giá trị	Biến động
Cơ điện lạnh			2,081	25.6%	68	-26.1%
BĐS			801	3.6%	421	-8.9%
Điện	6,938	-8.9%	3,564	-6.4%	931	-21.3%
- Thủy điện	*4,083*	*-14.6%*	*2,311*	*-13.7%*	*731*	*-26.9%*
- Điện gió	*273*	*13.8%*	*588*	*16.9%*	*121*	*16.2%*
- Điện mặt trời	*227*	*8.6%*	*198*	*11.9%*	*38*	*-10.9%*
Nước	215	7.7%	59	-8.3%	262	5.9%
Tổng			**3,156**	**3.2%**	**1,154**	**-14.6%**

VPBank Securities

MỘT SỐ CƠ HỘI ĐẦU TƯ_QTP

Là doanh nghiệp sản xuất điện ổn định tại miền bắc, sản lượng hàng năm từ 7-7.2 tỷ kwh.

Doanh thu 9 tháng đầu năm đạt 77% kế hoạch, bằng 113% cùng kỳ 2022

Lợi nhuận trước thuế đạt 426 tỷ đồng, đạt 92% kế hoạch và bằng 54% cùng kỳ 2022.

Cơ hội:

- **Bước vào giai đoạn mùa khô 2023-2024; khả năng thiếu hụt nguồn điện khu vực phía bắc.**
- **Chi phí sản xuất tiếp tục giảm: khấu hao MMTB nhà máy QN1 giảm. Lãi vay giảm khi khoản Nợ dài hạn sẽ được trả hết trong năm 2024.**
- **Cổ tức tiền mặt ở mức hấp dẫn: Cổ tức từ 1.000-1.500 đông/năm. DY đạt mức 8%-10%/năm.**

Chỉ tiêu	Thực hiện		So sánh		
	Q3.2023	9T.2023	Q3.2023	9T.2023	KH 2023
Sản lượng điện					
Doanh thu	2,507	9,211	80%	113%	77%
Lợi nhuận gộp	62	540	26%	54%	
Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	13	429	8%	55%	
Lợi nhuận trước thuế	12	426	8%	54%	92%
Lợi nhuận sau thuế	11	405	7%	54%	92%
EPS	24	900	7%	54%	

VPBank Securities

MỘT SỐ CƠ HỘI ĐẦU TƯ_PC1

Câu chuyện ngoài ngành...

Kết quả kinh doanh 9 tháng đầu năm suy giảm do lĩnh vực xây lắp và sản xuất điện (thủy điện) đều giảm. Lĩnh vực BDS KCN và khoáng sản là động lực tăng trưởng do cùng kỳ 2022 chưa có.

- Doanh thu xây lắp giảm 56% do các dự án đầu tư khó khăn về vốn, quy hoạch điện mới chưa hoàn thiện thủ tục, NLTT gặp khó về giá điện. Blacklog đạt 3.738 tỷ đồng, đầu thầu dự án DZ500KV-3.
- Sản xuất thủy điện gặp khó về nguồn nước. Tiếp tục thực hiện dự án Bảo Lạc 3A (30MW) và Thượng Hà (18MW) trong 2024, dự kiến hoàn thành trong 2025-2026
- BĐS KCN hoạt động ổn định với KCN Nomura HP. Tiếp tục chuẩn bị hồ sơ cho dự án mở rộng tại HP (225ha) và BRVT
- Hoạt động khoáng sản mang lại doanh thu đầu tiên từ Q3.2023. biên lợi nhuận gộp đạt tốt với 33%.
- BĐS thương mại vẫn đang tiếp tục tháo gỡ thủ tục pháp lý các dự án tại Gia Lâm và Bắc Từ Liêm.

Triển vọng ngắn hạn với các hoạt động Khoáng sản và xây lắp điện với việc tham gia dự án DZ500KV-3.

Phù hợp Trading, cơ hội đầu tư hấp dẫn khi giá ở vùng 18-20 (tương đương PE 20 lần_EPS 4 quý lũy kế đạt 911 vnd/cp)

Kết quả kinh doanh 9 tháng 2023

Chỉ tiêu	Sản lượng		Doanh thu		LN gộp		LNTT	
	Giá trị	% svck	Giá trị	% svck	Giá trị	% svck	Giá trị	% svck
Xây lắp	1,289	-69.1%	1,481	-56.0%	171	-48.5%		
SXCN			747	33.9%	71	91.9%		
BĐS			527	1097.7%	143	652.6%		
SX Điện	640	-23.0%	1,041	-16.2%	513	-24.3%		
- Thủy điện	*331*	*-41.3%*	*417*	*-41.8%*				
- Điện gió	*309*	*15.7%*	*624*	*18.6%*				
Khai khoáng			598	na	197	na		
Khác			799	1.9%	20	-20.0%		
Tổng			**5,198**	**-13.3%**	**1,125**	**3.1%**	**224**	**-26.1%**

VPBank Securities

Q&A

VPBank Securities